

Vận dụng Thuyết Tân Hiện thực vào nghiên cứu quan hệ quốc tế: Trường hợp đánh giá một số nhân tố tác động đến liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc

*Bùi Nguyễn Bảo**

Nghiên cứu sinh, Học viện Ngoại giao

Ngày nhận bài: 03/02/2020, ngày gửi phản biện: 20/02/2020, ngày duyệt đăng: 31/03/2020

Bài viết tập trung làm rõ nội hàm chính của Chủ nghĩa Tân Hiện thực và sử dụng thuyết này để phân tích một số nhân tố tác động đến liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc từ năm 2009 khi hai bên ra Tuyên bố chung về Tầm nhìn của Liên minh đến nay. Qua đó, tác giả đánh giá khả năng luận giải (bao gồm ưu điểm, hạn chế) và dự báo quan hệ quốc tế của Chủ nghĩa Tân Hiện thực. Trên cơ sở này, tác giả trao đổi những kinh nghiệm trong việc vận dụng lý thuyết nói chung và thuyết Tân Hiện thực nói riêng vào nghiên cứu quan hệ quốc tế.

Từ khóa: Chủ nghĩa Tân Hiện thực, Liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc, Lý thuyết quan hệ quốc tế

Mở đầu

Thuyết Tân Hiện thực (Neorealism - THT) được phát triển dựa trên nguồn gốc là Chủ nghĩa Hiện thực (Realism), còn được gọi là Hiện thực Cổ điển - trường phái lý thuyết lâu đời và có ảnh hưởng nhất trong nghiên cứu quan hệ quốc tế (QHQT) và chính sách đối ngoại (CSĐN). Thuyết THT có sức tác động lớn đến hoạch định chính sách và được tôn trọng trong nghiên cứu QHQT. Sau khi Liên Xô sụp đổ, lý thuyết này bị phê phán mạnh mẽ do một cơ sở thực tiễn quan trọng của nó là trật tự hai cực không còn mà nguyên tắc vận hành của thế giới tạm thời do “nhất siêu” Hoa Kỳ nắm giữ (do cân bằng quyền lực giữa các siêu cường là một trong những quan điểm trung tâm của các học giả THT). Tuy nhiên, những năm gần đây, sự trỗi dậy mạnh mẽ của Trung Quốc thách thức quyền lực của Hoa Kỳ, đặc biệt là tại châu Á - Thái Bình Dương đã chứng minh triển vọng về cân bằng quyền lực hai cực tại khu vực này. Sự cạnh tranh chiến lược giữa hai cường quốc tác động nhiều chiều đến các đơn vị trong cấu trúc an ninh mà Hoa Kỳ đang định hình, bao gồm các đồng minh truyền thống như Hàn Quốc.

1. Cấu trúc quyền lực của hệ thống quốc tế và hành vi quốc gia

Năm 1979, Kenneth Neal Waltz (Waltz) phát hành cuốn sách *Theory of International Relations Politics* (Lý thuyết chính trị quan hệ quốc tế) và được coi là người sáng lập ra Chủ nghĩa THT trong tác

* mckimnguyenbao@gmail.com

phẩm. Nếu như Hiện thực Cổ điển nhấn mạnh đến chủ thể quốc gia, quyền lực, bản chất con người... để lý giải QHQT thì thuyết THT nhấn mạnh tác động từ những áp lực của hệ thống quốc tế (HTQT) khi đi tìm câu trả lời cho nguyên nhân các quốc gia theo đuổi quyền lực cũng như các hiện tượng trong QHQT. Theo Waltz, một hệ thống cần được nhận biết thông qua hai tầng thống. Ở tầng thứ nhất, hệ thống được xác định bởi một tập hợp các đơn vị (quốc gia) tương tác đơn thuần với nhau. Ở tầng tiếp theo, hệ thống được tạo bởi *cấu trúc* và chính cấu trúc là bộ phận ở cấp độ hệ thống giúp nối kết các đơn vị để hình thành nên hệ thống. Nghĩa là, tập hợp các đơn vị *có tương tác* với nhau và *phải có cấu trúc* thì mới là hệ thống (Waltz, 1979). Từ đó, Kenneth Waltz cho rằng cách tiếp cận hệ thống (lý thuyết chính trị hệ thống) có thể tóm lược bằng mối quan hệ qua lại giữa *cấu trúc QHQT* và *các đơn vị có tương tác với nhau trong QHQT*. Cấu trúc xác định bằng sự sắp xếp các bộ phận trong một hệ thống gồm ba điểm: (i) Nguyên tắc sắp xếp để hệ thống vận hành, trật tự là gì? Hệ thống sẽ biến đổi nếu nguyên tắc trật tự này được thay thế bởi nguyên tắc trật tự khác; (ii) Sự thay đổi chức năng của đơn vị khác nhau trong hệ thống. Hệ thống sẽ thay đổi nếu các đơn vị được mang chức năng khác nhau; (iii) Sự phân bố quyền lực, tương quan so sánh lực lượng giữa các đơn vị (quốc gia) cấu thành nên hệ thống. Thay đổi trong sự phân bố này sẽ là sự thay đổi hệ thống bất kể đó là hệ thống vô chính phủ hay thứ bậc. QHQT ở đây chính là hệ thống quyền lực, quốc gia là những đơn vị chủ yếu trong hệ thống và cường quốc là những nhân tố cơ bản của cấu trúc. Khi môi trường vô chính phủ không thay đổi, lợi ích của các đơn vị (quốc gia) tương đối giống nhau thì biến số có thể làm thay đổi QHQT chính là sự phân bố quyền lực giữa các quốc gia trong hệ thống. Vì thế, sự phân bố quyền lực chính là cấu trúc của hệ thống (thể hiện qua tương quan so sánh lực lượng). Sự phân bố quyền lực này nằm trong tay các cường quốc và sự thay đổi của HTQT cũng phụ thuộc vào sự thay đổi tương quan quyền lực giữa chúng (Nam, 2017, tr.37).

Do chú trọng cách tiếp cận hệ thống, Chủ nghĩa THT không đề xuất nhiều luận điểm về hành vi của quốc gia trong hệ thống mặc dù thừa nhận vai trò trung tâm của quốc gia. Theo đó, môi trường quốc tế là vô chính phủ, không tồn tại một quyền lực đứng trên các quốc gia nhằm điều chỉnh và quản lý mối quan hệ giữa các quốc gia với nhau. Chủ thể đóng vai trò trung tâm trong QHQT là quốc gia - dân tộc có chủ quyền trong khi các chủ thể khác như các tổ chức quốc tế, các tổ chức phi chính phủ, các công ty đa quốc gia, các nhóm hay các cá nhân không có vai trò đáng kể. Mục tiêu của các quốc gia là tìm cách nâng cao quyền lực nhằm tự đảm bảo an ninh và sự tồn tại của mình trong hệ thống thông qua tự lực cánh sinh. Điều này dẫn tới việc cạnh tranh là đặc điểm cố hữu của chính trị quốc tế. Trong một hệ thống mang tính cạnh tranh cao, các quốc gia ưu tiên các mục tiêu an ninh hơn so với kinh tế.

2. Vận dụng thuyết Tân Hiện thực để đánh giá các nhân tố tác động đến liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc từ năm 2009 đến nay

Liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc chịu sự tác động của nhiều nhân tố bên trong (*cá nhân; đảng phái; tình hình kinh tế - xã hội; tác động của quá trình dân chủ hóa lên hoạch định chính sách...*) và bên ngoài (*tình hình khu vực Đông Bắc Á và thế giới; Cộng hòa Dân chủ nhân dân Triều Tiên; các nước lớn ở khu vực như Nga, Nhật Bản, Trung Quốc...*). Từ 2009 đến 2016 là thời kỳ được đánh giá là tốt đẹp nhất trong nhiều thập niên sau khi Tổng thống Hoa Kỳ Barack Obama nâng cấp vị thế của Hàn Quốc trong chiến lược của Hoa Kỳ. Thay vì coi Hàn Quốc chỉ như một công cụ để quản lý hòa bình và xung

đột trên Bán đảo Triều Tiên như trước kia thì Hoa Kỳ tuyên bố “*Hàn Quốc là người bạn quan trọng nhất của Hoa Kỳ, hòn đá tảng cho hòa bình và ổn định trên Bán đảo Triều Tiên và Đông Bắc Á*” (Ge.J.Gilmore, 2009), là tuyến đầu trong hệ thống đồng minh của Hoa Kỳ để kiềm chế Trung Quốc. Đến thời Donald Trump, chiến lược “*Án Độ Dương - Thái Bình Dương tự do và mở*” tiếp tục khẳng định vai trò của Hàn Quốc đối với lợi ích của Hoa Kỳ. Đây cũng là thời điểm Hàn Quốc được dẫn dắt bởi các lãnh đạo cánh hữu vốn không theo đuổi chính sách mềm mỏng với Cộng hòa Dân chủ Nhân dân (CHDCND) Triều Tiên giống như quan điểm của B.Obama, đó là Tổng thống Lee Myung-bak (2008-2013), Tổng thống Park Geun-hye (2013-2017). Do đó, những năm qua liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc đạt được nhiều kết quả to lớn, về chính trị, quân sự - an ninh và đặc biệt là gia tăng tỷ trọng lợi ích kinh tế. Từ năm 2017 đến nay, tuy Tổng thống Donald Trump và Tổng thống Moon Jae-in đồng thuận trong chủ trương đối thoại với CHDCND Triều Tiên nhưng bất đồng trên nhiều phương diện song phương. Tổng thống Trump thường xuyên áp đặt Hàn Quốc phải chia sẻ trách nhiệm (Hoa Kỳ yêu cầu Hàn Quốc tăng ngân sách chi cho quân đồn trú Hoa Kỳ, tái ký lại Hiệp định thương mại tự do...). Điều kiện đó khiến Hàn Quốc lưu tâm hơn đến những lợi ích, nhất là kinh tế trong quan hệ với Trung Quốc trong bối cảnh cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc.

2.1. *Ưu điểm*

Một là, ở cấp độ hệ thống, thuyết THT có thể lý giải thuyết phục về tác động của sự dịch chuyển quyền lực tại Đông Bắc Á đến liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc

Sau khi Liên Xô sụp đổ, các nhà hiện thực thường xuyên đề cập đến khái niệm “*khoảng trống quyền lực*” khi không có cơ chế đối trọng, cân bằng sức mạnh giữa hai siêu cường (A. Amitav, 2007). Đó cũng là lúc các trường phái khác phê phán gay gắt những người THT như Waltz, cho rằng tác động mang tính nhân quả của sự phân bố quyền lực cùng trật tự hai cực đã không còn phù hợp. Tuy nhiên, những năm qua, khi Trung Quốc công khai quyết thách thức sự thống trị và mong muốn cùng thống trị (với Hoa Kỳ) thì quan điểm của Waltz lại thể hiện sự vượt trội. Trung Quốc trở dậy và trở thành một cực hợp lý, quyền lực tại Đông Bắc Á được phân bố lại thay vì chỉ tập trung vào luật chơi cho Hoa Kỳ định hình. Nói cách khác, thuyết THT có thể giải thích việc Trung Quốc trở thành nhân tố vừa kéo vừa đẩy đối với liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc. Nếu không có sự trở dậy của Trung Quốc, chưa chắc quan hệ Hoa Kỳ - Hàn Quốc đã đạt được những thành tựu lớn về kinh tế, hợp tác quân sự - an ninh và phối hợp chính sách chung như dưới thời Tổng thống Obama và Lee Myung-bak đến nay. Theo báo cáo của “*Select USA*” chương trình nghiên cứu mở rộng của Bộ Thương mại Hoa Kỳ, tính đến năm 2019, Hoa Kỳ là đối tác thương mại lớn thứ hai của Hàn Quốc trong xuất khẩu hàng hóa, còn Hàn Quốc là đối tác thương mại hàng hóa lớn thứ sáu của Hoa Kỳ. Kim ngạch thương mại hàng hóa và dịch vụ của Hoa Kỳ với Hàn Quốc đạt tổng cộng 167,6 tỷ trong năm 2018 (xuất khẩu 80,9 tỷ USD; nhập khẩu 86,7 tỷ USD). Về đầu tư, riêng năm 2018, với mức đầu tư kỳ lục 57,6 tỷ USD, Hàn Quốc đã góp phần tạo ra thêm khoảng 51.800 việc làm tại Hoa Kỳ.

Bên cạnh, một mặt ủng hộ Hoa Kỳ tái cân bằng nhưng mặt khác khi nhận thức Trung Quốc có đủ sức mạnh như một “*cực*”, Hàn Quốc theo đuổi chính sách hai mặt, chủ động tìm kiếm mối quan hệ cân bằng hơn với Trung Quốc. Trung Quốc là đối tác thương mại lớn nhất của Hàn Quốc, tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu năm 2019 lên đến 124,4 tỷ USD. Hàn Quốc là một trong những nhà đầu tư nước ngoài

lớn vào Trung Quốc, chi riêng Tập đoàn Lottte đã đầu tư gần 9 tỷ USD. Hàn Quốc quyết định trở thành thành viên sáng lập Ngân hàng Đầu tư Cơ sở Hạ tầng châu Á (AIIB) do Trung Quốc khởi xướng; tái thiết lập đường dây đối thoại chiến lược với Trung Quốc vào năm 2019 vốn đã bị ngắt quãng từ năm 2014; thiết lập các kênh liên lạc quân sự (tháng 10/2019, Không quân Trung Quốc thông báo cho Hàn Quốc biết rằng máy bay của Trung Quốc đang tiếp cận Khu vực nhận dạng phòng không của Hàn Quốc). Bản thân Hoa Kỳ cũng cân nhắc đến lợi ích trong quan hệ với Trung Quốc, nhất là về kinh tế nên có lúc thiếu dứt khoát khi kiểm chế, thậm chí hy sinh một phần lợi ích của đồng minh (Tuấn và Hương, 2018, tr.130-131).

Hai là, thuyết THT luôn thể hiện được điểm mạnh trong phân tích các vấn đề QHQT có liên quan đến việc xác định và triển khai lợi ích quốc gia

Thuyết THT lý giải thuyết phục về tác động của nền tảng lợi ích quốc gia đối với sự thăng - trầm của liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc. Việc nâng tầm chiến lược của liên minh từ tập trung vào an ninh sang hợp tác toàn diện trên nhiều lĩnh vực, nhất là kinh tế cho thấy mục tiêu của hai bên sẵn sàng được điều chỉnh khi nhìn thấy lợi ích. Quan hệ với Hàn Quốc cơ bản được Hoa Kỳ định hướng dựa trên lợi ích nhiều hơn các yếu tố khác. Khi đánh giá sự suy giảm của Bán đảo Triều Tiên đối với các lợi ích của mình, Hoa Kỳ duy trì một liên minh lỏng lẻo với Hàn Quốc. Khi nhân thức lợi ích và tầm ảnh hưởng bị đe dọa, Hoa Kỳ lập tức tăng xung lực cho toàn hệ thống đồng minh ở đây, trong đó Hàn Quốc giữ vai trò nền tảng để giữ vững cấu trúc an ninh có lợi cho Hoa Kỳ ở Đông Bắc Á, dùng Hàn Quốc kiểm chế CHDCND Triều Tiên, Nhật Bản theo những cách khác nhau Hoa Kỳ dùng Hàn Quốc như tuyến đầu trong mặt trận kiểm chế Trung Quốc, điều này không thay đổi dù cách tiếp cận của Tổng thống Obama và Donald Trump không giống nhau. Hàn Quốc cũng là một trong những đối tác thử nghiệm của Hoa Kỳ cho sách lược yêu cầu các đồng minh chia sẻ trách nhiệm thông qua việc cắt giảm ngân sách, ép Hàn Quốc chi nhiều nguồn lực hơn, yêu cầu đàm phán lại Hiệp định thương mại tự do KORUS FTA theo hướng có lợi cho Hoa Kỳ. Liên minh này cũng chính là công cụ để Hoa Kỳ kiểm soát hành động của chính Hàn Quốc tránh việc nước này theo đuổi những tham vọng có thể gây hại cho lợi ích của Hoa Kỳ (Kim Choong-nam, 2006). Hoa Kỳ luôn tìm cách giữ thế chủ động trong việc đàm phán với CHDCND Triều Tiên, trong nhiều trường hợp đã không tham khảo ý kiến từ phía Hàn Quốc và dĩ nhiên, không phải lúc nào Hoa Kỳ cũng hài lòng với những tiến bộ trong quan hệ liên Triều mà không có sự can dự của Hoa Kỳ.

Ngược lại, Hàn Quốc cũng lợi dụng ưu thế về chính trị, quân sự và kinh tế của Hoa Kỳ để hỗ trợ cho việc đảm bảo an ninh, phát triển. Dù Tổng thống theo quan điểm nào, Hàn Quốc cũng sẵn sàng điều chỉnh chính sách, thậm chí hy sinh một phần lợi ích riêng của mình để làm hài lòng Hoa Kỳ. Năm 2010, Hàn Quốc “*theo chân*” Hoa Kỳ cắt đứt quan hệ kinh tế, tiến hành trừng phạt Iran, mặc dù quốc gia Trung Đông này là nước cung cấp dầu mỏ đứng thứ 5 cho Hàn Quốc, chưa kể các hợp đồng phát triển cơ sở hạ tầng của Iran mà các nhà thầu Hàn Quốc đã thắng. Cuối năm 2011, Hàn Quốc đề nghị Hoa Kỳ được hưởng ngoại lệ trong lệnh trừng phạt Iran, như một số nước, để có thể nhập khẩu một lượng nhất định nhưng không thành công (Hiếu, 2016, tr.67) Mặt khác, Hàn Quốc cũng chủ động tìm những phương án riêng trong quan hệ liên Triều. Kịch bản một Bán đảo Triều Tiên hoà bình, ổn định sẽ giúp Hàn Quốc càng có cơ sở để rút dần sự phụ thuộc của mình vào Hoa Kỳ trong khi nhìn thấy được cơ hội trong hợp

tác với Trung Quốc. Hiện nay, Tổng thống Moon Jae-in đang đẩy mạnh chính sách “*Hương Bắc mới*” (kết nối với Nga, Trung Á, lục địa Á - Âu) và “*Hương Nam mới*” (kết nối với Đông Nam Á, Ấn Độ) lấy Bán đảo Triều Tiên làm trung tâm, thu hút miền Bắc vào các hoạt động hợp tác kinh tế chính là thể hiện sự tự tin và xu hướng độc lập hơn của Hàn Quốc. Sâu xa hơn là muốn định hình một cấu trúc hợp tác ở Đông Bắc Á nhiều điểm nóng và gia tăng vị thế của Hàn Quốc trên trường quốc tế.

Ba là, Chủ nghĩa THT có hệ thống luận điểm vững vàng về động lực ra đời, các yếu tố thúc đẩy và kéo lùi của mô hình liên minh trong QHQT

Trường phái Hiện thực có sự tập trung cao độ vào vấn đề quyền lực khi cho rằng bản chất của nền chính trị là quyền lực, rằng mọi quốc gia đều theo đuổi quyền lực trong QHQT. Do đó, trường phái Hiện thực đánh giá liên minh là một trong những công cụ quan trọng để các quốc gia nâng cao quyền lực. Waltz cho rằng có hai phương diện cơ bản để quốc gia đạt được mục đích của mình: nỗ lực bên trong và nỗ lực bên ngoài, bao gồm các động thái tăng cường và mở rộng liên minh của chính mình hoặc làm suy yếu và củng cố một liên minh đối lập. Đối với những nước nhỏ có nguồn lực hạn chế, việc phụ thuộc vào liên minh có thể là lựa chọn duy nhất. Do đó, sự hình thành và vận hành các liên minh là một phản ứng thường xuyên trước nguy cơ bị xâm hại lẫn cơ hội hợp tác trong HTQT. Điều này khá phù hợp để lý giải động cơ của Hoa Kỳ khi thiết lập hệ thống liên minh để đối trọng với Liên Xô trong quá khứ và kiềm chế Trung Quốc ở hiện tại. Còn với Hàn Quốc, việc tiếp tục góp mặt vào liên minh của Hoa Kỳ sẽ đảm bảo tập trung nguồn lực cho phát triển, cân bằng tình thế an ninh trên Bán đảo Triều Tiên trong khi vẫn theo đuổi việc gia tăng quyền quyết định của Hàn Quốc trong quan hệ với Hoa Kỳ và đảm bảo cho lợi ích của Hàn Quốc ở thế cân bằng trong cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn trong khu vực như Trung Quốc, Hoa Kỳ, Nga, Nhật Bản... Từ năm 2017, CSDN của Tổng thống Moon Jae-in đã thể hiện rõ ưu tiên đối ngoại theo hướng tăng cường đối thoại với CHDCND Triều Tiên, quyết tâm theo đuổi quan hệ độc lập hơn so với Hoa Kỳ, củng cố quan hệ với Nhật, duy trì ổn định trong quan hệ với Trung Quốc, tăng cường quan hệ với Đông Nam Á và ASEAN...

2.2. *Hạn chế*

Một là, Chủ nghĩa THT quá bị quan về khả năng hợp tác mà chỉ chú trọng việc các quốc gia luôn cạnh tranh vì lợi ích

Ngày nay, các quốc gia ngày càng phụ thuộc lẫn nhau về nhiều mặt (kinh tế và các vấn đề toàn cầu) và vừa phải hợp tác vừa phải đấu tranh để đảm bảo lợi ích và an ninh của mình. Phái Hiện thực phủ nhận tầm quan trọng ngày càng tăng của các chủ thể phi quốc gia - phi nhà nước và triển vọng hợp tác trong khung đa phương như các tổ chức quốc tế, các công ty xuyên quốc gia, các tổ chức phi chính phủ, các tôn giáo, v.v... Đánh giá về tác động của quá trình phát sinh và vận động của chủ nghĩa khu vực Đông Bắc Á đến liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc có thể làm rõ về nhận định này. Tuy vẫn là một khu vực mang đậm màu sắc Chiến tranh Lạnh, đối đầu ý thức hệ nhưng những năm qua Đông Bắc Á đã mạnh mẽ nhiều dấu hiệu tích cực về sự hợp tác dưới dạng “*chủ nghĩa khu vực*”. Các nước chủ chốt ở Đông Bắc Á tận dụng cơ chế đối thoại của Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á với ba nước Đông Bắc Á (ASEAN + 3) và các kênh tiếp xúc đa phương và song phương khác nhau giữa Trung Quốc, Nhật Bản,

Hàn Quốc. Từ năm 2016 đến nay đã có 8 Hội nghị thượng đỉnh Trung - Nhật - Hàn được tổ chức và ba nước đã ra nhiều tuyên bố chung.

Hai là, do không chú trọng đến tác động của các thuộc tính bên trong quốc gia và đặc điểm cá nhân nhà lãnh đạo nên thuyết THT không làm rõ được một số “điểm mờ” trong liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc

Trên thực tế, CSDN của Hoa Kỳ lẫn Hàn Quốc đều phụ thuộc nhiều vào các đặc điểm bên trong (đảng phái, tình hình kinh tế - xã hội, cá nhân lãnh đạo, xu thế dân chủ hóa...). Cách tiếp cận này có thể chỉ đúng một chiều từ phía Hoa Kỳ trong trường hợp quan hệ với Hàn Quốc do chủ đề Hàn Quốc không nhận được nhiều sự chú ý của lưỡng đảng và dư luận Hoa Kỳ. Nhưng ở chiều ngược lại, liên minh với Hoa Kỳ chịu nhiều sự can dự bởi mối quan hệ và tương tác giữa các đảng phái, lợi ích, tình hình kinh tế - xã hội, xu hướng dân chủ hóa... trong nội bộ Hàn Quốc. Từ năm 2009 đến nay, chính trị Hàn Quốc được vận hành ở giai đoạn chín muồi nhất từ kết quả cải cách chính trị nới rở từ đầu những năm 90 của thế kỷ XX. Khuynh hướng dân chủ hóa đã tạo điều kiện cho sự lên ngôi của các đảng phái và chính khách cấp tiến, thiên tả, có xu hướng mềm mỏng với CHDCND Triều Tiên và độc lập chính sách với Hoa Kỳ. Công luận bây giờ có thể tác động đến CSDN và đối ngoại quốc gia. Dân chủ trong nước đã điễn ra cùng lúc với “*dân chủ trong chính sách đối ngoại*” (Katherine Moon, 2004, p.71). Những vấn đề liên quan đến Hoa Kỳ như các vụ phạm pháp của binh sỹ, việc di dời các căn cứ quân sự, kiện tụng thương mại, thái độ đối với CHDCND Triều Tiên... được tranh luận công khai ở trong nghị trường cũng như bên ngoài xã hội. Chính phủ phải “*làm quen*” với việc các cuộc biểu tình, các phong trào đấu tranh bài Hoa Kỳ như một phần của đời sống chính trị mới giai đoạn hậu độc tài và phải tìm cách thích ứng thông qua việc lắng nghe ý kiến cũng như đáp ứng nguyện vọng của người dân và những đại diện của họ.

Ở cấp độ cá nhân, dù không phải nhân tố quyết định nhưng có thể khẳng định cá nhân các nhà lãnh đạo với quan điểm chính trị của họ có những tác động mang tính bước ngoặt đối với liên minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc. Điểm chung giữa các Tổng thống Hàn Quốc từ năm 2009 đến nay là chú trọng lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, phương hướng để đạt được lợi ích quốc gia của họ lại phụ thuộc vào quan điểm chính trị cá nhân. Cùng là một thành viên của phe bảo thủ nhưng giữa Tổng thống Lee Myung-bak và Tổng thống Park Geun-hye cũng có những điểm khác nhau trong CSDN. Mặc dù đều thực hiện các biện pháp cứng rắn với Triều Tiên nhưng trong quan hệ với Trung Quốc, bà Park lại có cách tiếp cận thực dụng hơn, lưu tâm nhiều hơn đến vai trò của Trung Quốc đối với lợi ích của Hàn Quốc, gián tiếp tạo ra sự nghi kỵ lòng tin từ Hoa Kỳ. Đến thời Tổng thống Moon Jae-in, Hàn Quốc theo đuổi chính sách hai mặt rất rõ. Trong khi đó, ở Hoa Kỳ, giữa Tổng thống Obama và Tổng thống Trump có những sự chia sẻ nhất định trong khi rất khác biệt về quan điểm. Cả hai Tổng thống đều nhìn thấy sự suy giảm nguồn lực của Hoa Kỳ, đều chủ trương “*đồng minh đi trước*” và yêu cầu chia sẻ trách nhiệm. Trong khi ông Obama thực hiện kế hoạch này mềm mỏng và từng nước thì ông Trump lại có thái độ áp đặt, cường bức. Tuy nhiên, Trump cũng biết cách khiến các đối tác không thể lười lnh rời xa sự bảo hộ an ninh của Hoa Kỳ một cách tuyệt đối. Trump đã xây dựng một loạt thỏa thuận chiến lược, kinh tế, kết cấu hạ tầng mà với các đồng minh nhằm đẩy lùi ảnh hưởng của Trung Quốc ở khu vực như sáng kiến kết nối kỹ thuật số và đối tác an ninh (25 triệu USD), sáng kiến thúc đẩy phát triển và tăng trưởng thông qua năng lượng (50 triệu USD), sáng kiến minh bạch Ấn Độ Dương - Thái Bình Dương (400 triệu USD) (Phuong, 2019).

Thứ ba, các đại biểu THT như Waltz đã bỏ qua vai trò của các yếu tố như văn hóa, tinh thần, sức mạnh thông minh, sức mạnh mềm, sự phát triển của công nghệ...

Họ cho rằng các yếu tố vật chất (quân sự, kinh tế...) - tức “*sức mạnh cứng*” trong sức mạnh tổng hợp quốc gia có ý nghĩa quyết định trong việc đánh giá tầm vóc của một nước. Do đó, khi giải thích QHQT, thuyết THT đã bỏ qua vai trò của các yếu tố như văn hóa, tinh thần, sức mạnh thông minh, sức mạnh mềm, sự phát triển của công nghệ... vốn đang chi phối mạnh mẽ đến từng nền ngoại giao và thực tiễn chính trị quốc tế. Tuy sức mạnh quân sự vẫn chiếm vị trí quan trọng nhưng hiện nay vị thế và sức mạnh của một quốc gia còn phải dựa trên sức mạnh kinh tế, khoa học kỹ thuật, văn hóa... (sức mạnh mềm). Như vậy, yếu tố tương quan so sánh lực lượng ngày càng xoay chuyển nhanh và dễ dàng hơn khiến thuộc tính thứ bậc/đẳng cấp trong trật tự quan hệ quốc tế cũng dễ thay đổi hơn (Hoàng, 2017). Nước lớn như Hoa Kỳ thường hội tụ đủ cả sức mạnh cứng và mềm và một số nước nhỏ như Hàn Quốc tuy sức mạnh cứng hạn chế nhưng sở hữu nhiều sức mạnh mềm. Các nước vừa và nhỏ như Hàn Quốc có thể sử dụng cả sức mạnh cứng lẫn sức mạnh mềm nhằm chuyển hoá tiềm lực của một quốc gia thành hiệu quả chính sách tối ưu nhất để đạt được mục tiêu của mình. Như vậy, yếu tố tương quan so sánh lực lượng ngày càng xoay chuyển nhanh và dễ dàng hơn khiến thuộc tính thứ bậc/đẳng cấp trong trật tự QHQT cũng dễ thay đổi hơn. Tính thứ bậc/đẳng cấp không phải lúc nào cũng mang tính quan hệ một chiều mà còn thể hiện sự độc lập tương đối của các nước nhỏ/yếu hơn vì bản thân các nước này cũng có thể chủ động phát huy sức mạnh thông minh bằng những chính sách khôn ngoan của mình (lợi dụng mâu thuẫn các nước lớn, cân bằng lực lượng hoặc phù thịnh và các nước lớn không chỉ coi các nước nhỏ/yếu hơn là đối tượng áp đặt, trừng phạt mà còn là đối tượng cạnh tranh thù, lôi kéo, tập hợp đồng minh (Hoàng, 2017).

Kết luận

Một học giả nổi tiếng khác của trường phái Hiện thực là Stephen Walt cho rằng “khi đã có sự bổ sung về phương pháp luận, thuyết THT hoàn toàn đủ tính cập nhật để phân tích QHQT” (S.M.Walt, 1997). Những giả định của thuyết THT là phù hợp khi phân tích QHQT trong bối cảnh cạnh tranh Hoa Kỳ - Trung Quốc gia tăng. Tuy nhiên, bất cứ lý thuyết nào cũng có những hạn chế, do đó thuyết THT cũng không thể hoàn toàn luận giải được một số đặc trưng, điểm mờ, cần sử dụng kết hợp thêm các công cụ khác để khắc phục. Nghiên cứu QHQT, CSDN thông qua góc nhìn từ một lý thuyết có ảnh hưởng lớn là THT phần nào đặt ra một số gợi mở cho việc nghiên cứu và hoạch định CSDN của các nước tầm trung, vừa và nhỏ. Dù theo đuổi đường lối đối ngoại nào, lợi ích quốc gia - dân tộc vẫn là luôn là nguyên tắc, mục tiêu, động lực cơ bản. Tuy nhiên, đó không phải lợi ích mơ hồ mà cần phải xác định rõ đâu các phương diện cần ưu tiên (chính trị, kinh tế, quân sự...) theo thời điểm để từ đó tìm kiếm phương thức đạt được lợi ích mà vẫn không xa rời nguyên tắc. Bên cạnh đó, cần phải phát huy ưu thế về sức mạnh mềm và có khả năng dự báo sự dịch chuyển quyền lực giữa các nước lớn khi tương quan tập hợp lực lượng thay đổi để có đối sách phù hợp, không rơi vào tình trạng nhất một bên, trở thành “*nước chiến trường*”.

Tài liệu tham khảo

1. Lê Nam Trung Hiếu (2016), “Quan hệ đồng minh Hoa Kỳ - Hàn Quốc”, Luận án Tiến sĩ, Quan hệ quốc tế, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế.
2. Vũ Lê Thái Hoàng (2011), “Bàn về cách tiếp cận của lý luận phương Tây về Trật tự thế giới”, *Nghiên cứu quốc tế*, số 2(85), <http://nghiencuuquocte.org/2014/06/23/ban-ve-cach-tiep-can-cua-ly-luan-phuong-tay-ve-trat-tu-the-gioi/>, ngày truy cập 15/12/2019.
3. Hoàng Khắc Nam (2017), *Lý thuyết quan hệ quốc tế*, Nxb.Thế giới, Hà Nội, tr 36-37.
4. Nguyễn Hoàng Như Thanh (2016), *Sự thống nhất của các trường phái lý luận QHQT: Mô hình duy lý về hành vi quốc gia*, <http://nghiencuuquocte.org/2016/05/24/mo-hinh-duy-ly-ve-hanh-vi-quoc-gia/#more-16205>, ngày truy cập 1/1/2020.
5. Hà Anh Tuấn, Nguyễn Thu Hương (2018), “Chính sách đối ngoại của Hàn Quốc dưới thời Tổng thống Moon Jae-in”, *Nghiên cứu Quốc tế*, Số 4 (111), tr.113-141.
6. Nguyễn Thu Phương (2019), “Chính sách đồng minh trong chiến lược châu Á - Thái Bình Dương của Hoa Kỳ và những điều chỉnh hiện nay”, *Tạp chí Cộng sản điện tử* ngày 15/8/2019, <http://tapchicongsan.org.vn/the-gioi-van-de-su-kien/-/2018/509946/chinh-sach-dong-minh-trong-chien-luoc-chau-a---thai-binh-duong-cua-my-va-nhung-dieu-chinh-hien-nay.aspx#>, ngày truy cập 15/12/2020.
7. Acharya, Amitav (2007), “Theoretical Perspectives on International Relations in Asia”, in David Shambaugh & Michael Yahuda (eds), *International Relations of Asia* (Maryland: Rowman & Littlefield Publishers), pp.57-82.
8. Colin Elam, Realism, Martin Griffiths (editor) (2007), *International Relations Theory for Twenty-First Century*, Routhled, New York, pp.7-13.
9. Lucas G. Freire (2019), “Is Neorealism a Deterministic Theory of International Relations?”, *International Studies*, Jawaharlal Nehru University, New Delhi.
10. Gerry J.Gilmore (2009), “Obama Praises US-South Korea Alliance at London Summit”, *Department of Defense*, <https://archive.defense.gov/news/newsarticle.aspx?id=53745>, ngày truy cập 11/12/2019.
11. Mark E. Manyin, Mary Beth D. Nikitin, Emma Chanlett- Avery, William H. Cooper, Ian E. Rinehart (2014), *U.S.- South Korea Relations*, Congressional Research Service, pp.1-3.
12. Kim Choong-nam (2006), “Inter- Korean Relations and the Future of the U.S.- ROK Alliance”, *International Journal of Korean Studies*, Vol. X, No. 2, pp.75 - 106.
13. Kenneth Neal Waltz (1979), “Political Structures” (Chapter 5) in K. N. Waltz, *Theory of International Politics* (Reading, Mass.: Addison-Wesley Pub. Co.), pp 79-101.
14. Stephen Martin Walt (1998), “International Relations: One World, Many Theories”, *Foreign Policy*, Vol.110, pp.29-32 + 34-46)
15. Yoo Hyon-joo (2014), “The China factor in the US–South Korea alliance: the perceived usefulness of China in the Korean Peninsula”, *Australian Journal of International Affairs* Vol.68:1, pp.85-104,
16. Yuan Jing-dong (2016), “The China Factor in South Korea's Foreign Relations”, *East Asian Policy*, Vol.8, No.1, pp.157-169.
17. Select of United States, <https://www.selectusa.gov/servlet/servlet.FileDownload?file=015t0000000LKNsl>, ngày truy cập 1/2/2020.